TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **73**/2020/QĐST-HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 10 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông **Nguyễn Quang V,** sinh năm 1993. Trú tai: K35/4, phường H, quận Ng, thành phố Đà Nẵng và bà **Thái Thị Hà Nh**, sinh năm 1994.Trú tại: 87, phường M, quận Ng, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Nguyễn Quang V và bà Thái Thị Hà Nh kết hôn vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do hai vợ chồng có Nh nhều điểm không hợp nhau, hay cãi vã dẫn đến xung độ lẫn nhau. Nay ông V và bà Nh xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông V và bà Nh đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Ông và bà Nh xác đinh có 02 con chung Nguyễn Hà An Nh, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Thái Nhật M, sinh ngày 02/8/2019 thuận tình ly hôn, ông bà thỏa thuận: Giao hai con chung Nguyễn Hà An Nh, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Thái Nhật M, sinh ngày 02/8/2019 cho bàNh trực tiếp nuôi

dưỡng. Ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đ (mỗi con 1.500.000đ/01 tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GĐ chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông V và bà Nh xác định không có.

[4] Nợ chung: Ông V và bà Nh xác định không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000đ, ông V và bà Nh mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007040 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn TP. Đà Nẵng (ông V và bà Nh đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang V và bà Thái Thị Hà Nh thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Nguyễn Hà An Nh, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Thái Nhật M, sinh ngày 02/8/2019 cho bàNh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đ (mỗi con 1.500.000đ/01 tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ly hôn các bên đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung: Ông V và bà Nh xác định không có.

- Nợ chung: Ông Vvà bà Nh xác định không có.

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000đ, ông V và bà Nh mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007040 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn TP. Đà Nẵng (ông V và bàNh đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP ĐN.
(Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2015, quyển số 01/2015 đăng ký ngày 21/01/2015).
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

đã ký

Lương Thị Anh